

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày 11/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Giảng

Các Hội thẩm nhân dân: - Phạm Văn Điềm

Nghề nghiệp: Giáo viên

Đơn vị công tác: Trường trung học phổ thông dân tộc nội trú huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Trần Thị Yến

Nghề nghiệp: Cán bộ

Đơn vị công tác: Hội liên hiệp phụ nữ xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:

Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 06/02/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 20/3/2018 đối với các bị cáo:

- Bị cáo Đinh Phan T, sinh ngày 20/01/2001 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Phan L và bà Lê Thị Kim T (*Tên khác: Lê Thị T*); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 04/11/2017 bị Công an xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 13/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bị tạm giam từ ngày 08/01/2018 theo Lệnh tạm giam số 10/CSĐT ngày 08/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Thọ Xuân; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 21/2018/HSST-QĐTG ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (*Có mặt*).

- Bị cáo Trịnh Văn M (*Tên gọi khác: C*), sinh ngày 26/01/1993 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 1/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Trịnh Thị H; vợ Bùi

Thị C và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 09/11/2017 bị Công an xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản; Bị tạm giữ từ ngày 06/11/2017 đến ngày 09/11/2017 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2017, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Thanh Hóa (*Có mặt*).

- Bị cáo Đàm Văn H, sinh ngày 02/6/1998 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn X và bà Phạm Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 18/5/2015 bị Công an xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản; Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2017 đến ngày 10/11/2017 được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (*Có mặt*).

- Bị cáo Trịnh Đăng L, sinh ngày 10/5/1988 tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Z, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Sửa xe máy; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Đăng N và bà Lê Thị C; vợ Trịnh Thị Việt T và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương (*Có mặt*).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Phan T:

Anh Đinh Phan L, sinh năm 1975 (*Bố đẻ của bị cáo*)

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (*Có mặt*)

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Phan T:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số Z, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*Có mặt*).

Người bị hại:

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Làng N, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1973 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Z, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1978 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn Z, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Thái Hữu L, sinh năm 1961 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1952 (*Vắng mặt*)

- Bà Vũ Thị M, sinh năm 1932 (*Vắng mặt*)

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*)

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1971 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Duy T, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Hoàng Thanh S, sinh năm 1992 (*Vắng mặt*)

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Phùng Văn T, sinh năm 1974 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Làng T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Bà Đinh Thị P, sinh năm 1960 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 06/11/2017, Đinh Phan T và Trịnh Văn M đến Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 21 giờ ngày 04/11/2017, Đinh Phan T đi bộ dọc theo đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến địa phận thôn Minh Châu 1, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển kiểm soát 36P6-46.. dừng ở lề đường, không có người trông giữ, nên T dắt chiếc xe mô tô đi một đoạn rồi dừng lại nhả rắc khóa điện, nổ máy và điều khiển chiếc xe mô tô trên đến nhà Trịnh Văn M. Đến nơi, T nói với M: “Em vừa nhả được con xe, anh kiểm chỗ nào để đi bán”, M trả lời: “Từ từ, anh thay quần áo đã”, T nói tiếp “Anh lấy cái gì để che đít xe lại”. Nghe T nói, M lấy 01 chiếc khăn mặt để che biển kiểm soát xe mô tô, sau đó điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến địa phận thôn 2, xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, M và T vào quán sửa xe của Trịnh Đăng L. Gặp L, M hỏi “Anh ơi, có mua xe không?”, L trả lời “Có, xe đâu?”, M chỉ vào chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được và nói: “Xe này”, L hỏi “Xe có giấy tờ không?”, T và M trả lời “Xe không giấy”. Nghe T và M nói như vậy, L lấy 1.400.000 đồng đưa cho M và nhận chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36P6-46... Sau khi bán xe cho L, T và M bắt xe taxi về huyện Ngọc Lặc.

Ngày 07/11/2017, Đàm Văn H đến cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản như sau: Khoảng 1 giờ ngày 27/10/2017, Đinh Phan T và Đàm Văn H rủ nhau đi đến xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc để trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Phạm Văn H ở làng T, xã C, T và H phát hiện thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K4-76... đang dựng trước nhà, không có người trông giữ. T lên vào dắt chiếc xe mô tô ra khỏi nhà ông H, H đưa cho T một chiếc chìa khóa xe mô tô, T dùng chiếc chìa khóa H đưa mở khóa điện, nổ máy, điều khiển xe mô tô chở H đi đến bờ suối thuộc thôn Bót, xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc cất dấu xe. Đến ngày 28/10/2017, T điều khiển xe mô tô trên đến nhà anh Nguyễn Văn C ở thôn M, xã M để tiêu thụ. Gặp anh C, T nói “Cho cháu vay 400.000 đồng, cháu bắt xe về quê, cháu để lại xe mô tô để làm tin”, anh C đồng ý và đưa cho T 400.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận các hành vi trộm cắp tài sản, gồm:

- Khoảng 01 giờ ngày 24/10/2017, Đinh Phan T cùng Đàm Văn H đi vào xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc để trộm cắp tài sản. Khi đến địa phận làng N, xã C thì phát hiện nhà bà Phạm Thị H đang nhốt dê trong chuồng. T đứng ngoài canh giới, H lên vào chuồng bắt trộm 01 con dê cái, lông màu nâu, khoảng 18kg hơi, sau đó H và T mang đến nhà anh Lê Văn T ở thôn M, xã M để tiêu thụ. Khi đến nhà anh T, T đứng ngoài đường, H vào trong nhà nói với anh T: “Em đang cần tiền nên muốn bán con dê của nhà em”, anh T đồng ý mua và đưa cho H 1.200.000 đồng. Sau khi bán được dê cho anh T, T và H tiếp tục quay trở lại nhà bà H bắt trộm 01 con dê cái, lông màu trắng, đen khoảng 21kg hơi và mang đến bán cho anh T lấy số tiền 1.360.000 đồng. Số tiền bán dê, H đưa cho T 400.000 đồng, số tiền còn lại, H chi tiêu cho cá nhân.

- Ngày 01/11/2017, Đinh Phan T đi bộ dọc đường khu vực xã Minh Sơn để trộm cắp tài sản. Khi đi đến địa phận thôn M, xã M, phát hiện thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H5-88.. của anh Phùng Văn T đang dựng bên đường, không có người trông giữ, xe đang cầm sẵn chìa khóa điện. T liền nổ máy và điều khiển chiếc xe trên đến nhà anh Hoàng Thanh S để tiêu thụ. Gặp anh S, T nói “Anh ơi, cho em vay 300.000 đồng, em để xe lại để làm tin”, anh S đồng ý cho T để xe lại và đưa cho T 300.000 đồng.

- Khoảng 19 giờ ngày 29/11/2017, Trịnh Văn M đi đến thôn M, xã M để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Thái Hữu L thì phát hiện đàn ong mật của anh Trịnh Thái S đang gửi tại nhà ông L, không có người trông giữ. M lên vào nhà ông L lấy trộm đàn ong mật mang về nhà cất dấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 17/KL-HĐĐG, số 18/KL-HĐĐG, số 19/KL-HĐĐG ngày 08/11/2017, số 21/KL-HĐĐG ngày 14/11/2017 và số 21/KL-HĐĐG ngày 25/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ngọc Lặc kết luận:

- Giá trị xe mô tô biển kiểm soát 36P6-46.., nhãn hiệu HODA Wave RSX màu sơn trắng đen là 2.125.000 đồng.

- Giá trị xe mô tô biển kiểm soát 36K4-46.., nhãn hiệu DAEHAN màu sơn nâu là 1.500.000 đồng.

- Giá trị xe mô tô biển kiểm soát 36H5-88..., nhãn hiệu New Angel Hi màu sơn nâu là 1.500.000 đồng.

- Giá trị 01 con dê cái, lông màu nâu, trọng lượng 18kg hơi và 01 con dê cái, lông màu trắng, trọng lượng 21kg hơi là 4.290.000 đồng.

- Giá trị 01 đàn ong mật, gồm sáu cầu quân để trong thùng gỗ kích thước 42 x 30 x 28(cm) là 1.500.000 đồng.

Ngoài hành vi trộm cắp trên, Đinh Phan T còn khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô tại xã Thọ Lập và xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, hành vi của bị cáo đã bị cơ quan điều tra, Công an huyện Thọ Xuân khởi tố, điều tra theo thẩm quyền.

Đối với Lê Văn T và Nguyễn Văn C đã có hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do Đinh Phan T và Đàm Văn H phạm tội mà có, cơ quan điều tra chưa thu

thập được chứng cứ về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên đã tách hành vi của C và T để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với anh Hoàng Thanh S, do tin tưởng T, anh S đã cho T để lại xe mô tô biển kiểm soát 36H5-88.., anh S không biết xe mô tô là tài sản do T phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Hoàng Thanh S.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSNL ngày 05/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố các bị cáo Đinh Phan T, Trịnh Văn M, Đàm Văn H về “Trộm cắp tài sản”, Trịnh Văn M, Trịnh Đăng L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 20, Điều 33, Điều 53, Điều 69, Điều 74; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Phan T từ 06 đến 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 20, Điều 33, Điều 53, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đàm Văn H từ 06 đến 08 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 250, Điều 20, Điều 33, Điều 50, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trịnh Văn M từ 06 đến 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, từ 06 đến 07 tháng tù về tội tiêu thụ do người khác phạm tội mà có, tổng hợp hình phạt của cả hai tội từ 12 đến 14 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 250, Điều 20, Điều 60, Điều 53, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trịnh Đăng L từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo H và bà Phạm Thị H như sau: Bị cáo H bồi thường cho bà H giá trị 2 con dê bị trộm cắp là 3 triệu đồng, bị cáo H đã bồi thường và bà H đã nhận đủ số tiền bồi thường. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Phan T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật hình sự, chính sách của nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội để giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng tù.

Bị cáo Đinh Phan T và người đại diện hợp pháp của bị cáo thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo. Các bị cáo đã thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt. Đối phần bồi thường thiệt hại cho bà H, bị cáo H đã tự nguyện thỏa thuận và đã bồi thường theo thỏa thuận cho bà H; bị cáo H tự nguyện không yêu cầu bị cáo T phải trả cho bị cáo phần bị cáo T phải bồi thường cho bà H mà bị cáo đã thực hiện.

Người bị hại Phạm Thị H trình bày, trước khi mở phiên tòa, bị cáo Đàm Văn H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà giá trị 2 con dê là 3.000.000

đồng, bị cáo đã bồi thường và bà đã nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận, tại phiên tòa, bà H đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 24/10/2017 và ngày 27/10/2017, Đinh Phan T và Đàm Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình bà Phạm Thị H 02 con dê trị giá 4.290.000 đồng, của gia đình Phạm Văn H 01 chiếc xe mô tô trị giá 1.500.000 đồng; ngày 04/11/2017, bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn S 01 xe mô tô trị giá 2.125.000 đồng, sau khi T trộm cắp được chiếc xe mô tô trên, T đã rủ bị cáo M mang xe đến bán cho bị cáo L, mặc dù không hứa hẹn trước và biết chiếc xe mô tô là do trộm cắp mà có nhưng M vẫn mang đi tiêu thụ và L vẫn mua; khoảng 19 giờ ngày 29/11/2017, bị cáo M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trịnh Trái S 01 đàn ong mật trị giá 1.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo T, M, H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; hành vi của bị cáo M, bị cáo L đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Giá trị tài sản bị cáo T và bị cáo H chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng; tài sản bị cáo M chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố các bị cáo T, M, H về tội trộm cắp tài sản; bị cáo M và bị cáo L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân địa phương. Bị cáo T và bị cáo H đồng phạm trong hành vi trộm cắp tài sản của bà H, sự đồng phạm của các bị cáo có tính chất đơn giản, vai trò ngang nhau, nên cần căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự xã hội được duy trì, tài sản của công dân được bảo hộ; để giáo dục người phạm tội, đấu tranh

phòng ngừa tội phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Trong các hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T, có 2 hành vi là hành vi trộm cắp tài sản ngày 24/10/2017 và ngày 04/11/2017 đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo M, H, L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; bị cáo H, L, M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 (*áp dụng đối với bị cáo M về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*); các bị cáo T, M, H sau khi phạm tội đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; bị cáo H được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L có ông ngoại là liệt sỹ, nên được áp dụng khoản 2 Điều 46; Bị cáo Thìn phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên được áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm học tập, cải tạo trở thành người tốt. Các bị cáo T, M, H có nhân thân xấu, không có khả năng tự cải tạo, nên cần phải buộc các bị cáo cách ly đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt; đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt của các bị cáo. Bị cáo L có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo tốt, nên căn cứ Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tài sản của ông S, anh S, anh T, ông H bị các bị cáo chiếm đoạt, đã được Cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho chủ sở hữu, tại Cơ quan điều tra ông S, anh S, anh T, ông H không yêu cầu giải quyết về phần bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với thiệt hại của gia đình bà H, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, giá trị 2 con dê của gia đình bà H bị trộm cắp ngày 24/10/2017 là 4.290.000 đồng, nhưng bà H tự nguyện chỉ yêu cầu bồi thường 3.000.000 đồng, sự tự nguyện của bà H không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên có căn cứ chấp nhận. Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H và bà H đã tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường, bị cáo H đã bồi thường và bà H đã nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận là 3 triệu đồng. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận, nên chấp nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại giữa bà Phạm Thị H và bị cáo Đàm Văn H. Đối với sự tự nguyện của bị cáo H về việc, bị cáo không yêu cầu bị cáo T phải trả cho bị cáo phần bị cáo T phải bồi thường cho bà H mà bị cáo đã thực hiện, sự tự nguyện

của bị cáo không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Phan T, Trịnh Văn M (Tên gọi khác: C), Đàm Văn H phạm "*Tội trộm cắp tài sản*"; các bị cáo Trịnh Văn M, Trịnh Đăng L phạm "*Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1, 5 Điều 69, khoản 1 Điều 74, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đinh Phan T 09 (*Chín*) tháng tù, được trừ 03 (*Ba*) ngày bị tạm giữ (*Từ ngày 06/11/2017 đến ngày 09/11/2017*). Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 250 điểm h, p (*Điểm h áp dụng đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn M (*Tên gọi khác: C*) 06 (*Sáu*) tháng tù về "*Tội trộm cắp tài sản*", 06 (*Sáu*) tháng tù về "*Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", tổng hợp hình phạt chung của cả 2 tội là 12 (*Mười hai*) tháng tù, được trừ 03 (*Ba*) ngày bị tạm giữ (*Từ ngày 06/11/2017 đến ngày 09/11/2017*). Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 08/12/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn H 06 (*Sáu*) tháng tù, được trừ 03 (*Ba*) ngày bị tạm giữ (*Từ ngày 07/11/2017 đến ngày 10/11/2017*). Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 250 điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đăng L 06 (*Sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị H và bị cáo Đàm Văn H về việc bồi thường thiệt hại như sau: Bị cáo H bồi thường toàn bộ giá trị 02 con dê cho bà H là 3.000.000 đồng, chấp nhận bị cáo đã bồi thường và bà H đã nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận. Công

nhận sự tự nguyện của bị cáo H về việc bị cáo Đinh Phan T không phải trả cho bị cáo H số tiền bị cáo T phải bồi thường cho bà H mà bị cáo H đã thực hiện.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Đinh Phan T, Trịnh Văn M, Đàm Văn H, Trịnh Đăng L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo T, người bị hại là bà Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Thái S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Giảng